

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-4-2022

V/v: Ly hôn và tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây;

2. Ông Lê Bá Quyền.

- Th ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yến - Th ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:
Bà Bò Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 214/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ánh H, sinh năm 1989; Thông trú: Tổ 2, khu phố 2, phường T, thành phố P, tỉnh B; tạm trú: Tổ 16, ấp H, xã Đ, thị xã TU, tỉnh BD; có mặt.

- Bị đơn: Ông Tạ Minh Ph, sinh năm 1987; Thông trú: Tổ 18, ấp T, xã Đ, thị xã TU, tỉnh BD; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 11 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Ánh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ánh H và ông Tạ Minh Ph quen biết nhau một thời gian thì tiến tới hôn nhân và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập

quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) H, huyện (nay là thị xã) TU, tỉnh BD và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 93/2010, Quyền số 01/20210 ngày 09/11/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê phòng trọ sinh sống. Đến năm 2015, vợ chồng sống chung với ba mẹ chồng tại tổ 18, ấp T, xã Đ, thị xã TU, tỉnh BD hơn 01 năm thì cha mẹ chồng cho đất và làm nhà ở riêng. Trong thời gian chung sống vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn nhưng sau đó hàn gắn được. Tuy nhiên, khoảng đầu năm 2019 thì vợ chồng Thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng không tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau, nghi ngờ lẫn nhau, kinh tế thì thiếu hụt, ông Ph vay nợ nhiều người, một mình bà H tự xoay sở, đi làm kiếm tiền để trả nợ cho ông Ph. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Ph.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên 01 con chung tên Tạ Minh Th, sinh ngày 09/02/2012. Hiện tại, con chung đang sống với bà H. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Tạ Minh Ph đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Ph không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Ph vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng.

Theo biên bản xác minh ngày 16/02/2022 và ngày 21/02/2022 tại Ủy ban nhân dân và Công an xã Đ, thị xã TU, tỉnh BD, được cung cấp thông tin như sau: Ông Tạ Minh Ph, sinh năm 1987 đăng ký hộ khẩu Thường trú và sinh sống tại tổ 18, ấp T, xã Đ, thị xã TU, tỉnh BD. Cho đến nay địa Ph không nhận được tin báo hay đơn yêu cầu giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng bà Trần Thị Ánh H và ông Tạ Minh Ph.

Theo bản tự khai ngày 30/12/2021 của cháu Tạ Minh Th, cháu Th trình bày: Hiện tại cháu đang sống với mẹ, nếu ba mẹ ly hôn, cháu Th có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Trần Thị Ánh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy

định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xác minh thu thập, hòa giải được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của người tham gia tố tụng, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên: Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ánh H được ly hôn với ông Tạ Minh Ph; về con chung: Giao con chung tên Tạ Minh Th, sinh ngày 09/02/2012 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; ông Ph không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị Ánh H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Tạ Minh Ph và yêu cầu được quyền nuôi con sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo kết quả xác minh và quá trình giải quyết vụ án xác định ông Tạ Minh Ph đăng ký hộ khẩu Thường trú tại địa chỉ: Tổ 18, ấp T, xã Đ, thị xã TU, tỉnh BD. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Tạ Minh Ph được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ánh H và ông Tạ Minh Ph chung sống với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) H, huyện (nay là thị xã) TU, tỉnh BD và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 93/2010, Quyền số 01/20210 ngày 09/11/2010. Theo quy định tại các điều 8 và 9 của Luật hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà Trần Thị Ánh H xác định cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông Ph không còn hạnh phúc. Trong thời gian chung sống, vợ chồng Thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào đầu năm 2019. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không có tiếng nói chung, luôn bất

đồng quan điểm, vợ chồng không tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau, ghen tuông vô cớ, ông Ph sống thiếu trách nhiệm với vợ con. Vợ chồng đã ly thân đầu năm 2019 cho đến nay. Hai bên đã đưa ra nhiều giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả nên bà H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Ph.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Ph vẫn không đến Tòa án, cho thấy ông Ph không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Về phía bà H, trong quá trình tố tụng xác định hoàn toàn không còn tình cảm và không muốn tiếp tục chung sống với ông Ph. Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sự yêu Thương, chăm sóc lẫn nhau giữa vợ và chồng nhưng quan hệ hôn nhân của bà H và ông Ph đã không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà H và ông Ph đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Ph là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về việc nuôi dưỡng con chung: Vợ chồng bà H và ông Ph có 01 con chung tên Tạ Minh Th, sinh ngày 09/02/2012. Hiện tại, con chung đang sống với bà H. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi con.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”.

Xét thấy, hiện tại cháu Tạ Minh Th đang sống với bà H và có nguyện vọng được sống với bà H. Do đó, bà H yêu cầu được quyền nuôi con chung là không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H không yêu cầu ông Ph phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đây là ý chí tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị Ánh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 và Điều 86 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ánh H về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” với bị đơn ông Tạ Minh Ph như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị Ánh H được ly hôn với ông Tạ Minh Ph.

- *Về việc nuôi con chung*: Giao con chung tên Tạ Minh Th, sinh ngày 09/02/2012 cho bà Trần Thị Ánh H được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Tạ Minh Ph không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Ánh H và ông Tạ Minh Ph đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- *Về tài sản chung và vay nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Ánh H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005628 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Lê